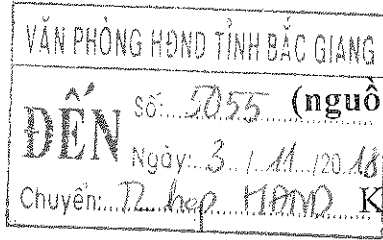


Số: 253 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH



Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
(nguồn vốn ngân sách tỉnh) giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang, khóa XVIII.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017, số 1291/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII kỳ họp thứ 4 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ các văn bản nhất trí của Thường trực HĐND tỉnh giữa các kỳ họp HĐND tỉnh về giao vốn, điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn các năm 2016, năm 2017, năm 2018 đối với các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; tình hình triển khai, thực hiện cần bổ sung mới các dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh Bắc Giang rà soát, tổng hợp báo cáo trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn vốn ngân sách tỉnh) giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bắc Giang (có dự thảo Nghị quyết, Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung gồm thuyết minh và các biểu 02a, 02b, 02 - tổng hợp sau điều chỉnh, bổ sung kèm theo).

UBND tỉnh Bắc Giang kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII xem xét, quyết định. /.

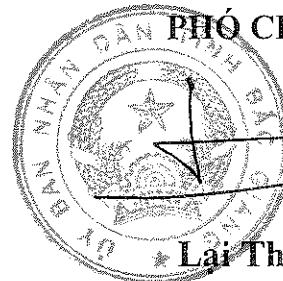
Nơi nhận: *ly*

- HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 6;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

* **Bản điện tử:**

- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP; TKCT;
 - + ĐT-XD- TN&MT; CNN; KGVX; KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh Sơn
* Lại Thanh Sơn

Số: 254/KH-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh)

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017, số 1291/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ), giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ), giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ), giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2017; các Quyết định số: 328/QĐ-UBND ngày 31/5/2018, 535/QĐ-UBND ngày 12/9/2018, 536/QĐ-UBND ngày 12/9/2018, 674/QĐ-UBND ngày 30/10/2018, 676/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2018;

Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018, tình hình thực tế thu tiền đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2018 và số thông báo kiểm tra thu - chi ngân Nhà nước tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2018-2020;

UBND tỉnh trình điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh như sau:

A. VỀ CÁC NỘI DUNG BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH TĂNG, GIẢM NGUỒN VỐN GIỮA CÁC DỰ ÁN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:

1.1. Về điều chỉnh giảm vốn là 325,764968 tỷ đồng, gồm:

- Điều chỉnh giảm 120,0 tỷ đồng nguồn trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi (do trong giai đoạn 2016-2020 không vay vốn tín dụng ưu đãi); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 410,752 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 200 triệu đồng của Tiểu dự án rà phá bom mìn, vật nổ - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (dự án đã hoàn thành, điều chỉnh giảm khối lượng thực hiện); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 700 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 6,0 tỷ đồng của dự án Cải tạo trạm bơm Trúc Tay phục vụ tiêu thoát nước khu công nghiệp (do dự án đã hoàn thành được phê duyệt quyết toán và bố trí trả nợ từ nguồn vốn quyết toán); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 10 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh là 5 tỷ đồng, vốn bổ sung ngân sách tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 5 tỷ đồng).

- Điều chỉnh giảm 72,961968 tỷ đồng nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh của Dự án Khôi điều trị nội trú, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh (do năm 2017 được bổ sung nguồn vượt thu tiền sử dụng đất); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 200 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh là 101,788 tỷ đồng, vốn bổ sung ngân sách tỉnh 98,212 tỷ đồng).

- Điều chỉnh giảm 95,0 tỷ đồng nguồn vốn hỗ trợ theo Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND về xây dựng cơ sở vật chất giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2020 (do điều chỉnh sang bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 55 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh là 35 tỷ đồng, vốn bổ sung ngân sách tỉnh là 20 tỷ đồng).

- Điều chỉnh giảm 925 triệu đồng của dự án Đường vào Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Bắc Giang (dự án đã hoàn thành và quyết toán, giảm trừ khối lượng thực hiện); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 5,575 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 4,0 tỷ đồng vốn đối ứng dự án Xây dựng Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần - giai đoạn 1 đầu tư từ vốn hỗ trợ theo mục tiêu ngân sách Trung ương (do dự án cắt giảm quy mô, hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 4,0 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 8,0 tỷ đồng nguồn vốn đã phân bổ của dự án Trụ sở các đơn vị sự nghiệp tỉnh (do dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán và đã phân bổ trả nợ trong nguồn vốn quyết toán); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 36 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 9,529 tỷ đồng Trụ sở làm việc liên cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ Trụ sở các đơn vị sự nghiệp tỉnh (do dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán và đã phân bổ trả nợ trong nguồn vốn quyết toán); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 49,871 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh 25,471 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh bổ sung 24,4 tỷ đồng).

- Điều chỉnh giảm 4,0 tỷ đồng vốn đối ứng dự án Cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Yên Dũng (do chuyển sang sử dụng vốn sự nghiệp môi trường); kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 0 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 3,0 tỷ đồng vốn đối ứng dự án Cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Lục Ngạn (do chuyển sang sử dụng vốn sự nghiệp môi trường); kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 0 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 2,149 tỷ đồng của 8 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 (do giảm trừ một số hạng mục của các công trình khi thực tế triển khai thực hiện); kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 22,272 tỷ đồng, gồm: (1) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Mậu, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Động giảm 35 triệu đồng; (2) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Thanh An, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Động giảm 55 triệu đồng; (3) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Am và thôn Sơn Hà, xã Bồng Am, huyện Sơn Động giảm 687 triệu đồng; (4) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Nam Bồng xã Bồng Am huyện Sơn Động giảm 398 triệu đồng; (5) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Thanh Chung, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Động giảm 135 triệu đồng; (6) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Tiên Lý, xã Yên Định, huyện Sơn Động giảm 173 triệu đồng; (7) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Bãi Đá xã Lục Sơn huyện Lục Nam giảm 23 triệu đồng; (8) Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Đá Húc và thôn Nghè Mãn xã Bình Sơn huyện Lục Nam giảm 643 triệu đồng.

1.2. Về điều chỉnh tăng vốn 325,764968 tỷ đồng, gồm:

- Điều chỉnh tăng 4,3 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 14,3 tỷ đồng.

- Điều chỉnh tăng 4,381968 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, nâng cấp đường làng Tự - Dương Huy (đoạn từ Trung tâm thương mại Bích Sơn đến Trường THPT Lý Thường Kiệt), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 58,0 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh 25,327 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh bổ sung 32,673 tỷ đồng).

- Điều chỉnh tăng 3,7 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, nâng cấp đường 268 Mỏ Trạng đi Bó Hạ, huyện Yên Thế; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 12,0 tỷ đồng vốn cân đối ngân sách tỉnh.

- Điều chỉnh tăng 6,0 tỷ đồng cho dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II); kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 30,9 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh 6,0 tỷ đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu tiền đất 24,9 tỷ đồng).

- Điều chỉnh tăng 1,940926 tỷ đồng cho dự án Hệ thống thủy lợi sông Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 42,647 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh 19,044 tỷ đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu tiền đất 23,603 tỷ đồng).

- Điều chỉnh tăng 0,7 tỷ đồng Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8) tỉnh Bắc Giang thuộc dự án ô của Bộ Nông nghiệp và PTNT làm chủ quản; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 11,7 tỷ đồng.

+ *Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn cho 02 dự án khởi công mới:*

- Khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang: 281,142074 tỷ đồng.

- Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình truyền hình công nghệ HD của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang: 23,6 tỷ đồng.

2. Vốn xỏ số kiến thiết là 7,650 tỷ đồng

2.1. Điều chỉnh giảm là 7,650 tỷ đồng, gồm:

- Điều chỉnh giảm 0,4 tỷ đồng của dự án Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Lục Ngạn 3; kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 5,6 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm 7,250 tỷ đồng của Dự án Khôi điều trị nội trú, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh; kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 200 tỷ đồng (gồm: vốn cân đối ngân sách tỉnh là 101,788 tỷ đồng, vốn bổ sung ngân sách tỉnh 98,212 tỷ đồng).

2.2. Điều chỉnh tăng là 7,650 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh; kế hoạch đầu tư trung hạn, giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh là 7,650 tỷ đồng.

B. VỀ CÁC NỘI DUNG BỔ SUNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (NGOÀI CÂN ĐỐI) VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN, GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nguồn vốn ngân sách tỉnh đã được bổ sung tại Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 là 90,830 tỷ đồng. Ngoài ra, tiền thu xỏ số kiến thiết dự kiến tăng so với kế hoạch trung hạn đã giao là 31,750 tỷ đồng (theo số thông báo kiểm tra thu - chi ngân Nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020); dự kiến bổ sung nguồn vượt thu tiền đất năm 2018 là 582,826 tỷ đồng (phân bổ đợt 01 là 70 tỷ đồng (tại Quyết định số 1687/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018); phân bổ đợt 2 là 383,316 tỷ đồng (Quyết định số 731/QĐ-UBND, ngày 21/11/2018); dự kiến phân bổ đợt 3 là 129,510 tỷ đồng (Theo thông báo số 444-TB/TU ngày 18/10/2018)); đầu tư từ tiền thu đấu giá quyền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh năm 2019 là 177,150 tỷ đồng (đã được dự kiến trong kế hoạch đầu tư công năm 2019); tổng số bổ sung vốn ngoài cân đối vào kế hoạch trung hạn 2016-2020 là 882,556 tỷ đồng (kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh 1.207,530 tỷ đồng), cụ thể như sau:

1. Bổ sung tăng vốn cho 12 dự án trong kế hoạch là 647,406 tỷ đồng

- Điều chỉnh tăng 80,211968 tỷ đồng cho Dự án Khôi điều trị nội trú, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Điều chỉnh tăng 132 tỷ đồng cho dự án Xây dựng Nhà thi đấu thể thao tỉnh Bắc Giang.

- Điều chỉnh tăng 1,618032 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, nâng cấp đường làng Tụ - Dương Huy (đoạn từ Trung tâm thương mại Bích Sơn đến Trường THPT Lý Thường Kiệt), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bổ sung tăng 11,750 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (tổng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 của dự án sau điều chỉnh là 59,400 tỷ đồng, gồm: 11,750 tỷ đồng vốn xỏ số kiến thiết dự kiến tăng thu; 7,650 vốn xỏ số kiến thiết trong kế hoạch trung hạn; 40 tỷ đồng vốn ngân sách Trung ương).

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ cứng hóa giao thông nông thôn của tỉnh giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh là 120 tỷ đồng.

- Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang là 45 tỷ đồng.

- Khu số 2 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang là 25 tỷ đồng.

- Xây dựng Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh là 2,816 tỷ đồng.

- Dự án Đường nhánh nối từ ĐT293 vào cảng Mỹ An, huyện Lục Nam và Lục Ngạn là 40 tỷ đồng.

- Phân bổ trả nợ cho 09 dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương là 104,010 tỷ đồng, gồm: (1) Đường nối từ ĐT398 (huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) đi QL18 (huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) là 50 tỷ đồng; (2) Đường ô tô đến trung tâm các xã miền núi Cẩm Đàn, Quế Sơn, Chiên Sơn, Vân Sơn và Hữu Sản thuộc vùng khó khăn miền núi huyện Sơn Động là 18 tỷ đồng; (3) Kè xử lý khẩn cấp sạt trượt bờ suối Tuấn Đạo bảo vệ khu tái định cư Trường bản TB1, huyện Sơn Động là 6 tỷ đồng; (4) Xử lý sự cố đột xuất chống sạt lở kè Đại Mão K9+270-K10+200 đe dọa cầu huyện Hiệp Hòa là 3 tỷ đồng; (5) Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương, huyện Tân Yên là 4 tỷ đồng; (6) Kè chống sạt lở bờ sông Lục Nam, bảo vệ làng nghề Thủ Dương, huyện Lục Ngạn là 9,2 tỷ đồng; (7) Đường liên xã Nghĩa Trung – Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là 2,81 tỷ đồng; (8) Xây dựng đường vào trung tâm các xã nghèo miền núi (Kiên lao, Kiên Thành, Thanh Hải, Biên Sơn, Đèo Gia), huyện Lục Ngạn là 8 tỷ đồng; (9) Kè chống sạt lở kết hợp đê ngăn lũ, đường cứu hộ, cứu nạn 4 xã vùng sông Thương, sông Sỏi, huyện Yên Thế là 3 tỷ đồng.

- Dự án cải tạo, nâng cấp đường 293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang: 85 tỷ đồng.

2. Bổ sung danh mục cho 08 dự án mới ngoài kế hoạch là 235,150 tỷ đồng (nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2018 là 58 tỷ đồng và nguồn sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp tỉnh năm 2019 là 177,150 tỷ đồng):

- Hỗ trợ Bồi thường, GPMB đường vào khu lưu niệm 6 Điều Bác Hồ dạy CAND tại xã Nhã Nam, huyện Tân Yên là 3,0 tỷ đồng (đã phân bổ trong kế hoạch bổ sung năm 2017).

- Khôi nhà trung tâm, khôi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang: 25,0 tỷ đồng (5,0 tỷ đồng vốn vượt thu tiền đất 2018 và 20,0 tỷ đồng vốn xổ số kiến thiết tăng thu).

- Xây dựng cầu dân sinh vượt QL1, QL37 thuộc địa bàn huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang 25 tỷ đồng.

- Cải tạo, sửa chữa QL37 đoạn Km70-Km72, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang 13 tỷ đồng.

- Cải tạo, sửa chữa QL17 đoạn Km72+500-Km88, huyện Việt Yên và Tân Yên, tỉnh Bắc Giang 86,150 tỷ đồng.

- Thâm mặt đường bê tông và xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km0+295,55-Km8+500 (từ siêu thị BigC đến thị trấn Tân Dân) ĐT293, tỉnh Bắc Giang 60 tỷ đồng.

- Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 là 18 tỷ đồng.

- Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 là 5 tỷ đồng.

(Chi tiết có Biểu số 02a, 02b, 02 - tổng hợp sau điều chỉnh, bổ sung kèm theo).

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

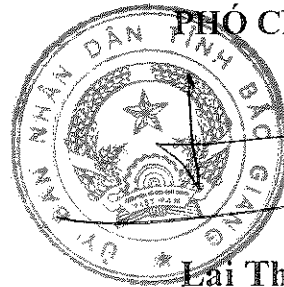
Nơi nhận: *Uy*

- HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Văn phòng, các Ban của HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

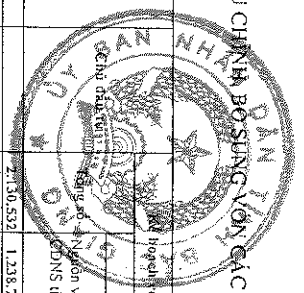
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP; TKCT;
 - + ĐT-XD- TN&MT; CNN; KGVX; KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



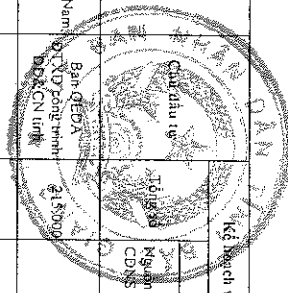
Uy
Lại Thanh Sơn

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN TRONG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOÀN 2016-2020 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)
(Kèm theo Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)



STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh tăng (+)						Điều chỉnh giảm (-)						Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung		Chi chủ		
		Tổng số	Trong đó:	Vốn NS	Vốn xã	Vốn từ	Tổng số	Trong đó:	Vốn NS	Vốn xã	Vốn từ	Tổng số	Trong đó:	Vốn NS	Vốn xã		Vốn từ	
		DTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số Nguồn vốn CENS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số Nguồn vốn CENS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số Nguồn vốn CENS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	
	TỔNG SỐ	27.30.532	1.238.724	183.055	13.250	695.503	487.069	21.023	446.046	19.400	333.415	332.765	7.650	2.284.186	933.982	632.701	25.000	695.503
I	TRẢ NG VỐN VAY TIN DỤNG ƯU ĐÃI PHÂN NGÂN SÁCH TỈNH PHẢI TRẢ	530.752	530.752								120.000	120.000		410.752	410.752			
II	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	10.000	10.000				4.300	4.300						14.300	14.300			
III	ĐỢI ỦNG NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC DỰ ÁN ODA (CÁC DỰ ÁN THAM GIA HỢP PHẦN VỚI BƠ CHỦ QUẢN)																	
3.1	Đổi ứng Tiền dự án Sửa chữa và nâng cấp an toàn hồ đập (WB&S) tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA DTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	11.000	11.000			700	700						11.700	11.700			
3.2	Tiền dự án rà phá bom mìn, vật nổ - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	Ban QLDA DTXD các công trình GT tỉnh	900	900							200	200		700	700			
IV	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																	
4.1	Cải tạo trạm bơm Trục Tay phục vụ tiêu thoát nước khu công nghiệp	Ban QLDA DTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	16.000	11.000	5.000						6.000	6.000		10.000	5.000	5.000		5.000
V	GIÁO THƯỜNG VẤN TẠI																	
5.1	Cải tạo nâng cấp đường 268 Mỏ Trạng đi Bả Hạ, huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	8.300	8.300			3.700	3.700					12.000	12.000				
5.2	Cải tạo, nâng cấp đường làng - Đường thùy (đoạn từ Trung tâm thương mại Bịch Sơn đến Trường THPT Lý Thúc Kỵ) huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	52.000	20.945	31.055		6.000	4.382	1.618				58.000	25.327	32.673			
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP																	
6.1	Hỗ trợ theo Nghị quyết 28/2014/NQ-CP HĐND về xây dựng cơ sở vật chất giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2020		150.000	130.000	20.000						95.000	95.000		55.000	35.000	20.000		20.000
6.2	Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Lục Ngạn 3	Ban QLDA DTXD công trình DD&CN tỉnh	6.000		6.000						400		400	5.600		5.600		
VII	Y TẾ, DÂN SỐ, VE SINH AN TOÀN THỰC PHẨM																	
7.1	Khởi đầu trị nội trú, Khám kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA DTXD công trình DD&CN tỉnh	200.000	174.750	25.250		80.212	80.212					200.000	101.758	98.242			
7.2	Xây dựng Nhà xa trị thuộc Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Ban QLDA DTXD công trình DD&CN tỉnh	20.000	20.000			2.816	2.816					22.816	20.000	2.816			

Đơn vị: Triệu đồng

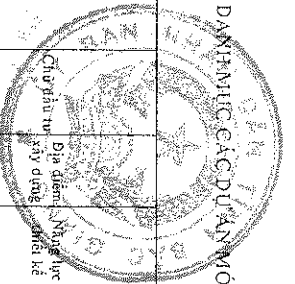


STT	Danh mục dự án	Kết hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao				Điều chỉnh tăng (+)				Điều chỉnh giảm (-)				Kết hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung					
		Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất				
Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung	Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung			Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung			Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung		Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung		Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung		
11.2	Khu số 2 thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang	Ban QLDA ĐD&CN tỉnh	21.500,00	37.000	178.000	25.000	25.000												
XII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																		
12.1	Xây dựng trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành	Sở Xây dựng	44.000	44.000				8.000	8.000										
12.2	Trụ sở làm việc, làm cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ	Ban QLDA ĐD&CN tỉnh	59.400	24.400	35.000			9.529	9.529										
XIII	QUỐC PHÒNG - AN NINH																		
13.1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bắc Giang (gửi: đơn II)	Công an tỉnh	30.900		30.900	6.000	6.000												30.900
XIV	KẾT HỢP NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT																		
14.1	Dự án hệ thống thủy lợi Sông Sét, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	40.706	17.103	23.603	1.941	1.941												23.603
14.2	Xây dựng Nhà thi đấu thể thao tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	305.000	200.000	105.000	132.000	132.000												105.000
14.3	Dự án Đường vành đai BT293 vào Ngàn	Ban QLDA ĐTXD các công trình GT tỉnh	75.000		75.000	40.000	40.000												75.000
14.4	Hỗ trợ củng cố giao thông nông thôn giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND, 13/7/2017 và 06/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018 của HĐND tỉnh		50.000		50.000	120.000	120.000												50.000
XV	TRÀ NÓNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÀN SÁCH TRUNG ƯƠNG																		
15.1	Đường nội từ ĐT398 (huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh			50.000	50.000	50.000												50.000
15.2	Đường ô tô đến trung tâm các xã miền núi Cẩm Đan, Quế Sơn, Chiến Sơn, Yên Sơn và Hữu Sơn thuộc vùng khó khăn miền núi huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động			18.000	18.000	18.000												18.000
15.3	Kế sách lý khản cấp sát trọt bổ sung Thuận TB1, huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động			6.000	6.000	6.000												6.000
15.4	Xử lý sự cố ô nhiễm chất thải rắn tại xã Hải Hà	Chi cục ĐD&CN và PCLB (tây 18 Chi cục Thủy lợi)			3.000	3.000	3.000												3.000
15.5	Cải tạo, nâng cấp đường nội xã, cứu nạn xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương, huyện Tân Yên	UBND huyện Tân Yên			4.000	4.000	4.000												4.000
15.6	Kế chống sạt lở bờ sông, Lục Nam, bảo vệ làng nghề Thủ Dương, huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn			9.200	9.200	9.200												9.200
15.7	Đường liên xã Nghĩa Trung - Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên			2.810	2.810	2.810												2.810

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao				Điều chỉnh tăng (+)				Điều chỉnh giảm (-)				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú		
			Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Tổng số	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất				
			Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tính bổ sung			Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tính bổ sung			Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tính bổ sung			Nguồn vốn CDNS tỉnh	Vốn NS tính bổ sung					
15.8	Xây dựng đường vào trung tâm các xã nghèo miền núi (Kiến Lao, Kiến Thành, Thanh Hải, Biền Sơn, Đèo Già), huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn		8.000		8.000															
15.9	Kê chống sạt lở kết hợp đê ngăn lũ, đường cứu hộ, cầu nan 4 xã vùng sông Thương, sông Sỏi, huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế		3.000		3.000															
XVI	BỘ SUNG VON CHO DU AN TPCP																				
16.1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh		85.000		85.000															

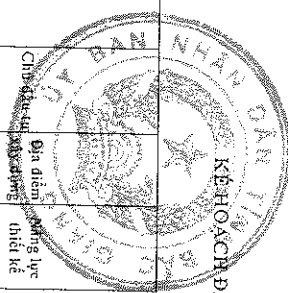
BỘ SƯNG DÀN HỢC CÁC DỰ ÁN MỚI VÀ KẾ HOẠCH VỐN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)



STT	Đanh mục dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau bổ sung					Chi trả
			Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất			
									Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã				
TỔNG SỐ														
1	Xây dựng cầu dân sinh vượt QL1, QL37 thuộc địa bàn huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	417/QĐ-UBND, 06/7/2018	28.728	28.728					180.150	25.000	38.000	38.000	20.000	127.150
2	Cải tạo sửa chữa QL37 đoạn Km70-Km72, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	418/QĐ-UBND, 06/7/2018	14.950	14.950					13.000	5.000	5.000	5.000		8.000
3	Cải tạo nâng cấp QL17 đoạn Km22+900-Km33, huyện Việt Yên và Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	470/QĐ-UBND, 06/8/2018	133.403	133.403					86.150	5.000	10.000	10.000		76.150
4	Thăm mặt đường bê tông và xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km0+295,55-Km4+500 (từ cầu Thị Bìc đến thị trấn Tân Dân) DT293, tỉnh Bắc Giang	637/QĐ-UBND, 14/9/2018	79.054	79.054					5.000	5.000	5.000	5.000		
5	Khởi nhà trung tâm, khởi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	535/QĐ-UBND, 06/8/2018	710.000	600.000	1708/QĐ-UBND, 30/1/2018	710.000	600.000		25.000	5.000	5.000	20.000		
6	Hỗ trợ bồi thường, GPMB đường vào Khu Nhà Nam	1062/QĐ-BCA-H43, 10/4/2017; 569/QĐ-UBND, XĐ, 03/3/2017	89.330	3.000					3.000	3.000	3.000			
7	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018	12/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018	54.000	54.000					18.000					18.000
8	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050		87.000	87.000					5.000					5.000

Đơn vị: Triệu đồng

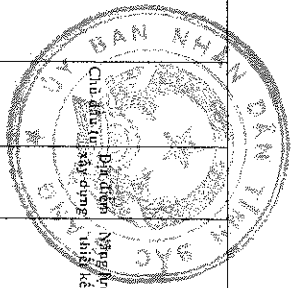


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH) GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương			QĐ đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)			Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung			Chi chi							
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài NS tỉnh)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài NS tỉnh)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài NS tỉnh)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tài NS tỉnh)	Tổng số (tài NS tỉnh)	Nguồn vốn								
															Vốn NS tỉnh bổ sung		Vốn xã hội	Vốn xã hội từ nguồn thu sử dụng đất					
	PHẦN BỔ CHI TIẾT 90%			1.511.376	963.247		13.405.264	4.665.921		6.724.315	2.723.608		5.988.024	3.939.966	2.836.935	958.630	717.281	87.750	31.750	5.616.500			
I	TRẢ NỢ VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI PHẦN NGÂN SÁCH TỈNH PHAI TRÀ VÀ VỐN ĐÀ VAY DỰ ÁN CẦU SON - CẨM SON																						
	* Trong đó: - Nguồn bổ sung ngân sách địa phương do Trung ương cấp chi trả																						
	- Nguồn vốn CNSDP																						
II	TRẢ NỢ CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH QUYẾT TOÀN																						
III	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																						
IV	HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ						76.158	40.000					457.900	457.900	457.900								
I	Ngân sách tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố theo NQ 29/2015/NQ-HĐND																						
	Thành phố Bắc Giang																						
	Huyện Sơn Đông																						
	Huyện Lục Ngạn																						
	Huyện Lục Nam																						
	Huyện Yên Thế																						
	Huyện Hiệp Hòa																						
	Huyện Tân Yên																						
	Huyện Việt Yên																						
	Huyện Yên Dũng																						
	Huyện Lạng Giang																						
2	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã																						
2.1	Hỗ trợ các dự án chuyên đề																						
2.2	Hỗ trợ trợ xã xã kinh công nghiệp giải quyết																						
V	Đầu tư phát triển KT-XH vùng căn cứ cách mạng (ATK) của tỉnh theo QĐ số 1318/QĐ-TTg ngày 6/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ																						

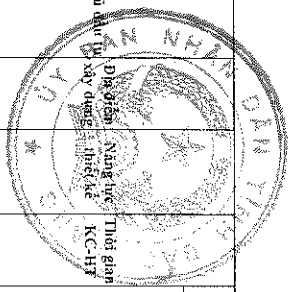
STT	Tên mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mạng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QB phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Chi chú			
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn		Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn NS tỉnh bổ sung						Vốn số kiến thiết	Vốn số kiến thiết	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn số kiến thiết	Vốn số kiến thiết	Tổng số		Vốn số kiến thiết	Vốn số kiến thiết	Vốn số kiến thiết
1	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																		
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hòa Sơn - Thái Sơn	UBND huyện Hiệp Hòa	Xã Hòa Sơn, xã Thái Sơn	Đường dài 4,3 km, đường GTNT loại A	2014-2016	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1676/QĐ-UBND, 31/10/2013	843/QĐ-UBND, 18/5/2015	14.858	11.886	14.858	14.858	3.713	3.713	28.130	28.130			
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hùng Sơn - Quang Minh	UBND huyện Hiệp Hòa	Xã Hùng Sơn, xã Quang Minh	Đường dài 3,8 km, đường GTNT loại A	2014-2016	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1678/QĐ-UBND, 31/10/2013	842/QĐ-UBND, 18/5/2015	14.264	11.411	14.264	14.264	2.894	2.894	2.894				
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hoàng Thành - Hoàng Lương	UBND huyện Hiệp Hòa	Xã Hoàng Thành, xã Hoàng Lương	Đường dài 3,8 km, đường GTNT loại A	2014-2016	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1677/QĐ-UBND, 31/10/2013	841/QĐ-UBND, 18/5/2015	14.494	11.595	14.494	14.494	3.582	3.582	3.582				
1.4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đổng Tân	UBND huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	Đường dài 3,5 km, cấp V miền núi	2015-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1755/QĐ-UBND, 31/10/2014		9.770	7.816			4.211	3.011	3.011				
1.5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đại Thành - Hóp Thụ	UBND huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	Đường dài 5,8 km, cấp V miền núi	2015-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1754/QĐ-UBND, 31/10/2014		14.900	11.920			7.730	7.730	7.730				
1.6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hương Lâm - Mai Đình	UBND huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	Đường dài 3,5 km, cấp V miền núi	2015-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1753/QĐ-UBND, 31/10/2014		13.200	10.560			7.200	7.200	7.200				
2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																		
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hương Vân, Hoàng Thành, Đổng Tân, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	Xã Hoàng Vân, Hoàng Thành, Đổng Tân, huyện Hiệp Hòa	Đường dài 6,7 km, đường GTNT	2016-2018	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	824/QĐ-SGTVT, 30/10/2015		13.709	13.709	13.709	13.709	11.500	11.500	11.500				
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội ĐT.296 với ĐT.295 (qua các xã: Mai Trung, Xuân Cẩm, Hương Lâm, Bắc Lý), huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	Các xã Hương Lâm, Xuân Cẩm, Bắc Lý và Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	Đường dài 6,8 km, cấp V miền núi	2017-2019	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1719/QĐ-UBND, 28/10/2016		26.000	26.000			22.200	22.000	22.000				



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian K-C-HT	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Ghi chú			
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính NS tỉnh)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính NS tỉnh)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Nguồn vốn CDNS tỉnh	Trong đó:	
				Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư				Vốn NS tỉnh bổ sung		Vốn xã số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu sử dụng đã		
2.1	Dự án xây dựng nhà lớp học các trường Tiểu học Hoàng Văn, THCS Hoàng Văn, THCS Hoàng Văn, trường Tiểu học Hương Lâm số 1, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	22 phòng học	2017-2019	551/QĐ-UBND, 30/10/2015	15.054	15.054	306/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	14.667	14.667	330/QĐ-SKHĐT, 07/11/2017	14.667	14.667	13.000	13.000	13.000	
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã: Hương Lâm, Xuân Cẩm và Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	7,137km: GTNT, cấp kỹ thuật B	2018-2020	539/QĐ-UBND, 30/10/2015; 330/QĐ-UBND, 19/6/2017	14.894	14.834	304/QĐ-SKHĐT, 30/10/2017	14.781	14.781				12.500	12.500	12.500	
2.3	Xây dựng nhà lớp học các trường Tiểu học Mai Trung số 1, THCS Mai Đình, THCS Xuân Cẩm, mầm non Đông Tân, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	26 phòng học	2018-2020	550/QĐ-UBND, 30/10/2015	13.000	13.000	303/QĐ-SKHĐT, 30/10/2017	12.295	12.295				11.000	11.000	11.000	
2.4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã: Hoà Sơn, Hùng Sơn, Hiệp Thành, Quỳnh Minh và Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	7,5km đường GTNT cấp kỹ thuật B	2019-2021	541/QĐ-UBND, 30/10/2015	14.940	14.940	287/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	14.940	14.940				8.500	8.500	8.500	
2.5	Dự án xây dựng nhà lớp học các trường Tiểu học Hoàng An, mầm non Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	12 phòng học	2019-2021	547/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.127	9.127	286/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	9.127	9.127				7.600	7.600	7.600	
2.6	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS Quỳnh Minh, THCS Hùng Sơn, THCS Thanh Văn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	16 phòng học	2020-2021	549/QĐ-UBND, 30/10/2015	8.528	8.528							4.700	4.700	4.700	

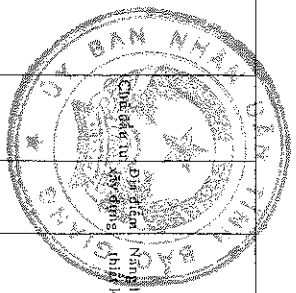
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)				Nguồn vốn	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn NS tính bổ sung	Trong đó:		Ghi chú
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Vốn NS tính bổ sung							Vốn xã số kiến thiết		
						Số QĐ, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính bổ sung	Vốn xã số kiến thiết						Trong đó: NS tính bổ sung	Vốn xã số kiến thiết	
2.9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	Các xã H. An, H. Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa	7,543km; GTNT, cấp kỹ thuật B	2020-2022	542/QĐ-UBND, 30/10/2015	14.965	14.965	9.904	9.904	546/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.904	546/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.904	9.904	9.904	9.904	9.904	9.904	9.904	
2.10	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS xã Hòa Sơn, THCS Đại Thành, THCS xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	Các xã Hòa Sơn, Đại Thành, Hợp Thịnh	20 phòng	2020-2022	546/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.904	9.904	9.904	9.904	546/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.904	546/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.904	9.904	9.904	9.904	9.904	9.904	9.904	
VI	BỘ ƯỚNG NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC DỰ ÁN ODA (CÁC DỰ ÁN THAM GIA HỢP PHẦN VỚI BỘ CHƯ QUẢN)																				
I	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>																				
1.1	Dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển khí sinh học tỉnh Bắc Giang (*)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tỉnh Bắc Giang		2009-2015	2127/QĐ-UBND, 25/11/2009	59.221	7.413	28/2/2013:33	2/02-BNN-KH, 03/3/2014	68.502	9.094	28/2/2013:33	2/02-BNN-KH, 03/3/2014	68.502	9.094	68.502	9.094	68.502	9.094	Đầu tư vốn vay ADB
1.2	Dự án phát triển hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện: Hiệp Hòa, Lạng Giang, Yên Thế	TB văn phòng; CSHT giao thông thủy lợi	2011-2017	2881/QĐ-BNN-KH, 13/11/2012	161.393	31.442	3355/QĐ-BNN-KH, 10/8/2017	97.378	21.322	3355/QĐ-BNN-KH, 10/8/2017	97.378	21.322	97.378	21.322	97.378	21.322	97.378	21.322	Đầu tư vốn vay ADB
2	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>																				
2.1	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn Ngân hàng Thế giới	Sở Y tế	Tại các bệnh viện thuộc tỉnh Bắc Giang	03 cụm xử lý chất thải rắn và 03 hệ thống xử lý nước thải	2013-2019	1367/TT-QHQT ngày 09/8/2010	65.788	4.909	1429/QĐ-UBND, 31/7/2015; 1494/QĐ-UBND, 10/8/2015; 1495/QĐ-UBND, 10/8/2015	65.788	4.909	1572/QĐ-UBND, 25/8/2015; 1573/QĐ-UBND, 25/8/2015; 1574/QĐ-UBND, 25/8/2015	65.788	4.909	65.788	4.909	65.788	4.909	65.788	4.909	Đầu tư vốn vay ADB
2.2	Dự án phát triển bệnh viện tỉnh vùng giải đoạn II, BVĐK tỉnh Bắc Giang do JICA viện trợ	Bệnh viện ĐK tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Mua sắm TTB	2013-2016	967/QĐ-UBND, 26/6/2013	133.100	17.391	1572/QĐ-UBND, 25/8/2015; 1573/QĐ-UBND, 25/8/2015; 1574/QĐ-UBND, 25/8/2015	133.100	17.391	1572/QĐ-UBND, 25/8/2015; 1573/QĐ-UBND, 25/8/2015; 1574/QĐ-UBND, 25/8/2015	133.100	17.391	133.100	17.391	133.100	17.391	133.100	17.391	Vốn đầu tư từ ngân sách ngành Y tế

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chi tương			QĐ đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)			Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung			Ghi chú			
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư			Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn số kế hoạch thiết	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tỉnh			Tổng số	Vốn số kiến thiết
2	Dự án Hệ thống thủy lợi hồ Sông Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	H Yên Thế	Tươi 2.806 ha	2009-2015				984/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	438.016		242/QĐ-UBND, 17/6/2015; 1405/QĐ-UBND, 15/8/2017	42.647	19.044	19.044						
3	Tu bổ để điều chỉnh xuyên hàng năm (địa phương)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	Các huyện, thành phố cấp IV	Tu bổ, sửa chữa các tuyến đê cấp IV	2016-2018		30.000	30.000	1986/QĐ-UBND, 30/10/2015; 151/QĐ-SNN, 31/3/2016	30.000	30.000		29.900	29.700	200						
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, Khu du lịch Mũi Suối Mỡ huyện Lục Nam	Ban Quản lý Khu du lịch Suối Mỡ	Huyện Lục Nam	Bảo vệ rừng 670,3ha; trồng mới 100ha rừng	2014-2020			142/QĐ-SKHĐT, 29/10/2013	5.303	5.303		182/QĐ-SKHĐT, 19/11/2015	3.000	3.000	3.000						
5	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tỉnh Bắc Giang	Hệ trợ bảo vệ và phát triển rừng	2016-2020		92.662	13.622	1987/QĐ-UBND, 30/10/2016	92.622	13.622		33.250	3.000	3.000						
6	Dự án đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và công đồng dân số tại một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án di dân tái định cư Trường bản quốc gia khu vực 1	Ban QLDA ĐTXD các công trình TB1	30 xã thuộc 3 huyện SDông, LNgân, LNam	365 hộ tái định cư; công trình hạ tầng GT, TL, giao đuc	2014-2015			34/QĐ-UBND, 10/01/2014; 585/QĐ-UBND, 14/2/2014	257.856	52.915		1511/QĐ-UBND, 02/10/2014	20.000	20.000	20.000						
7	Cải tạo trạm bơm Trục Tây phục vụ tưới thoát nước khu công nghiệp	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	Huyện Việt Yên	Cải tạo, trạm bơm đầu mối, lắp đặt 8 tốp máy	2013-2015			754/QĐ-UBND, 06/5/2013	100.585	100.585			13.000	5.000	5.000						
8	Kiến cơ hạ tầng khu vực xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình xây dựng huyện Yên Dũng	Xã Tiên Phong huyện Yên Dũng	3.84km kênh cấp IV	2016-2017		5.342	2.671	10707/QĐ-UBND, 31/10/2016	5.137	2.568		5.000	2.500	2.500						
9	Hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		Các huyện, thành phố		2016-2020								300.000	300.000	260.000	40.000					
10	Đổi ứng các dự án thuộc chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (các dự án thực hiện theo hình thức PPP)		Các huyện, thành phố		2016-2020		254.622	21.789	400/QĐ-UBND, 21/9/2016	157.407	16.511		108.808	10.700	10.700						



STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng và cấp nước	Quy mô công trình	Năm khởi công	Số QĐ, ngày thành, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày thành, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày thành, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã hội	Vốn xã	Vốn xã	Vốn xã	Vốn tư nhân	Chi phí				
						Số QĐ	Ngày thành, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ	Ngày thành, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ	Ngày thành, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh								Trong đó:			
																									Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã hội	Vốn xã	Vốn xã
*	Dự án chuyển cấp																											
10.1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quang Châu, huyện Việt Yên	Công ty TNHH MTV xây dựng và cấp nước Hà Bắc	Xã Quang Châu, huyện Việt Yên	3000 m ³ /ngày đêm	2013-2016	1667/QĐ-UBND, 30/10/2013	58.593	5.859																				
10.2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung (tên xã Yên Mỹ - thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang)	Công ty xây dựng 767	Huyện Lạng Giang	3000 m ³ /ngày đêm	2013-2016	1670/QĐ-UBND, 30/10/2013	58.479	2.300																				
10.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Việt Dương	TT Cao Thượng, Tân Yên	3000 m ³ /ngày đêm	2009-2010	1777/QĐ-UBND, 13/10/2009	14.800	2.960																				
10.4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thị trấn Neco, huyện Yên Dũng	Công ty TNHH môi trường công nghệ cao Nam An	TT Neco, huyện Yên Dũng	3000 m ³ /ngày đêm	2015-2020	1981/QĐ-UBND, 30/10/2015	20.000	4.285																				
IX	GAO THÔNG VĂN TÀI						810.411	796.135																				
I	Dự án chuyển cấp sang giới được 2016-2019						5.782.914	789.858																				
1.1	Đường trục chính khu dân cư, dịch vụ thôn Mỹ Điện xã Hoàng Ninh huyện Việt Yên	UBND huyện Việt Yên	Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên	1.634 km, cấp V đường băng	2009-2017	1377/QĐ-UBND, 14/8/2009	14.318																					
1.2	Dự án sửa chữa một số công trình giao thông: Ngã Ba Bò, ngã ba Cẩm, ngã ba Đông Cối, thôn Đông Lăng, xã Dương Hưu huyện Sơn Đông	UBND xã Dương Hưu huyện Sơn Đông	Xã Dương Hưu huyện Sơn Đông	Sửa chữa 3 năm	2015-2018	1149a/QĐ-UBND, 31/3/2016	3.516	2.500																				
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường 268 M6 Trang đi Bả Hạ, huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	1,2 km, cấp V mặt mui	2014-2017	1331/QĐ-UBND, 30/8/2013	36.575	4.039																				
1.4	Đường nối từ DT198 huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đi QL18 (huyện Quốc Vượng Bắc Ninh)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	Huyện Yên Dũng	8,92 km, cấp III đường hạng 02 cầu	2010-2018	1012/QĐ-UBND, 22/6/2009	651.197	240.509																				

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương			QĐ đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)			Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 để giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung			Ghi chú		
						Tổng mức đầu tư			Tổng mức đầu tư			Tổng mức đầu tư			Vốn NS tính bổ sung	Vốn xã số kiến thiết			Vốn tự nguồn thu sử dụng đất	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Trong đó: Thu nhập địa phương NS cấp	Vốn xã số kiến thiết (trung ban đã giao)			Vốn xã số kiến thiết
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: Thu nhập địa phương NS cấp		Vốn xã số kiến thiết (trung ban đã giao)	Vốn xã số kiến thiết			
1.5	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA, ĐTXD các dự án CTGT tỉnh	TP.BC, YD, Lâm Sơn, Đông Sơn	91,5 Km và 26 cầu	2010-2015		1738/QĐ-UBND, ngày 01/11/10	2.709.585	430.882	85.000	85.000	85.000								
1.6	Đường ô tô đến trung tâm các xã miền núi Cẩm Bàn, Quê Sơn, Chiên Sơn, Văn Sơn và Hữu Sơn thuộc vùng khó khăn miền núi huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	Xã Cẩm Bàn, Quê Sơn, Chiên Sơn, Văn Sơn và Hữu Sơn	47,49 km	2011-2017		1433/QĐ-UBND, ngày 11/10/2011	384.466		18.000	18.000	18.000			18.000					
1.7	Kế xử lý khẩn cấp sét trượt bờ suối Tuấn Đạo bảo vệ khu tái định cư Trường bản TB1, huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	0,583km	2011-2013		573/QĐ-UBND, ngày 16/5/2011	38.104		6.000	6.000	6.000			6.000					
1.8	Xử lý sự cố đứt xuất chống sét lò kê Đại Mão K9+270-K10+200 để tá cầu huyện Hiệp Hòa	Chi cục Điều tra và Điều chỉnh địa giới hành chính và UBND huyện Hiệp Hòa	Xã Đại Mão và xã Hiệp Hòa	Kê chống sét lò 988m; đắp lên để vệ phía đông dài 925m	2011-2013		536/QĐ-UBND, ngày 6/5/2011	69.835		3.000	3.000	3.000			3.000					
1.9	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn các xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương, huyện Tân Yên	UBND huyện Tân Yên	Các xã Hợp Đức, Phù Hào, TT Cầu Thương, xã Cao Thượng, Nhà Nam, Lam Giản	18,148km	2011-2014		173/QĐ-UBND, ngày 24/02/2011	115.528		4.000	4.000	4.000			4.000					
1.10	Kê chống sét lò bờ sông Lục Nam, bảo vệ làng nghề Thủ Dương, huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	Kê dài 0,98 km	2010-2012		478/QĐ-UBND, ngày 03/4/2010	56.346		9.200	9.200	9.200			9.200					
1.11	Đường liên xã Nghĩa Trung - Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	xã Nghĩa Trung - Minh Đức, huyện Việt Yên	7,36 km tuyến chính; 1,1 km tuyến nhánh; 0,74 km đường ngang	2011-2014		80/QĐ-UBND, ngày 25/01/2011	37.136	2.810	2.810	2.810	2.810			2.810					
1.12	Xây dựng đường vào trung tâm các xã Thanh Hải, Biên Sơn, Đèo Giã, huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	Xã Kiến Lập, Kiên Thành, Thanh Hải, Biên Sơn, Đèo Giã	50,40km	2011-2017		756/QĐ-UBND, ngày 17/6/2011	454.762		8.000	8.000	8.000			8.000					



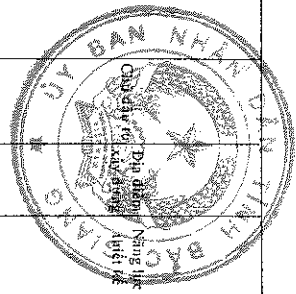
STT	Danh mục dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		
			Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)		Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)		Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)	Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)	Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)	Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)	Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)	Tổng số (tài sản cố định)	Tổng số (tài sản vô hình)	Tổng số (tài sản cố định)
1,13	Kế hoạch sai lệch kế hoạch đề án, đường cầu bê tông, cầu bê tông 4 x 8 vòm song song, sông Sốt, huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	4.03km đường bê tông và các công trình trên địa bàn huyện Yên Thế	8.508m đường cầu bê tông	2012-2017	2220/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	662.163	2099/QĐ-UBND ngày 26/12/2016	104.935	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020		810.411	798.133	549.383	340.000	779.006	779.006	996.010	208.000	23.327	182.673	165.673								
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường làng, trục - Đường Huyện (đoạn từ Trung tâm thương mại Bình Sơn đến Trường THPT Lý Thường Kiệt) huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	6,11 Km, đường cấp III		2016-2018	510/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	54.276	1965/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	49.383	40.000	1200/QĐ-UBND ngày 01/8/2016	59.996	59.996	58.000	58.000	25.327	32.673	15.673			
2.2	Xây dựng cầu dân sinh vượt QL1, QL37 thuộc địa bàn huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sở Giao thông vận tải	Cầu vượt bằng thép BTCT		2013-2019	417/QĐ-UBND ngày 06/7/2018	28.728		28.728					25.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
2.3	Cải tạo sửa chữa QL37 đoạn Km70-Km72, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Sở Giao thông vận tải	Xoa bỏ đất phân cách dài 1.395m		2018-2019	418/QĐ-UBND ngày 06/7/2018	14.950		14.950					13.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
2.4	Cải tạo nâng cấp QL17 đoạn Km72+500-Km83, huyện Việt Yên và Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Sở Giao thông vận tải	15,5 Km		2018-2020	470/QĐ-UBND ngày 06/7/2018	133.403		133.403					116.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
2.5	Thăm mại đường bê tông và xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km0+205-55-Km0+500 (tứ giác thị trấn Bắc Tân Dân) DT293, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA các công trình GT	Thăm mại và hệ thống chiếu sáng trên tuyến		2018-2020	637/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	79.054		79.054					65.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
10	Hồ sơ cùng hồ sơ giải phóng mặt bằng theo quy định năm 2017-2020 theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND, 13/7/2017 và 06/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018 của HĐND tỉnh	Các huyện, TP Yên Dũng	200 nghìn USD (tổng số) và 100 triệu đồng (tổng số) để thực hiện dự án		2017-2021	NQ 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	500.000	500.000	500.000	500.000	06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	719.010	719.010	719.010	719.010	719.010	120.000	120.000	120.000	120.000	
X	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH, PTTT		1.442.635	1.037.452	131.583	131.583	990.600	512.600	345.600	167.000	142.000										
1	Dự án chương trình sáng tạo 2016-2020		328.227	64.131	53.000	18.000	53.000	18.000	53.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
1.1	Dự án đầu tư Trung tâm hệ thống xe và thiết bị vận hành nhà máy công nghệ HD	Dài PTTH tỉnh	Mua sắm TTB vận hành hình		2015-2016	1537/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	26.349	1750/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	26.349	26.349				10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
1.2	Nâng cấp Trường trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang (giai đoạn I)	Trường trung cấp VH, TT&DL	Công trình dân dụng cấp III		2014-2017	1681/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	19.000		19.000					8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương				QĐ đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 để giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung	Ghi chú				
						Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành				Nguồn vốn CDNS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất
						Trong đó: NS tỉnh		Trong đó: NS tỉnh		Trong đó: NS tỉnh		Trong đó: NS tỉnh		Vốn NS tính bổ sung	Vốn số kiến thiết (trung hạn để giao)		Vốn số kiến thiết (trung hạn để giao)						
						Vốn số kiến thiết		Vốn số kiến thiết		Vốn số kiến thiết		Vốn số kiến thiết											
1.3	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang (giai đoạn 1)	UBND thành phố BG	Thành phố BG	Hệ tầng kỹ thuật: diện tích 10ha	2015-2018	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NS tỉnh	Trong đó: NS tỉnh	Trong đó: NS tỉnh	Trong đó: NS tỉnh	Trong đó: NS tỉnh	10.000	30.000								
1.4	Đường và hạ tầng bên ngoài chùa Bồ Đà	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Huyện Việt Yên	Đường dài 3,48km, cấp IV, V, VI	2013-2015									5.000	5.000								
2	Dự án Môi trường công nghệ mới trong giai đoạn 2016-2020	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thành phố BG	4.000 chỗ	2017-2020									132.000	132.000			Kết hợp nguồn vốn từ thu từ sử dụng đất					
2.1	Xây dựng Nhà thí nghiệm thảo luận Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thành phố BG	10ha, hạ tầng kỹ thuật	2015-2019									50.000	50.000			Kết hợp nguồn vốn từ thu từ sử dụng đất					
2.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Nhà thí nghiệm thảo luận Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thành phố BG	2.5ha, đến thế, hạng mục phụ trợ	2016-2018									28.000	28.000								
2.3	Xây dựng Điện thờ danh nhân văn hóa tiến sỹ Thân Nhân Trung	UBND huyện Việt Yên	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên		2016-2018																		
2.4	Dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt những di tích khởi nghĩa Yên Thế (giai đoạn f)	Sở VH TT và Du lịch	Các huyện Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên	Đầu tư các hạng mục tại 05 điểm di tích trọng điểm	2017-2021									5.000	5.000								
2.5	Hỗ trợ Dự án Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Bắc Giang	Tỉnh đoàn Bắc Giang	TP Bắc Giang	Xây dựng mới, 3.070ha	2016-2019									15.000	15.000								
2.6	Dự án Đài phun nước nghệ thuật tại Quảng trường 3-2 thành phố Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	TP Bắc Giang	Xây dựng Đài phun nước	2016-2017									6.000	6.000								



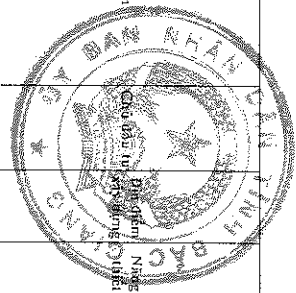
STT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã ghi và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung										
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số các các nguồn vốn	Tổng số	Nguồn vốn CBNS tỉnh	Trong đó:			Vốn từ nguồn thu sự đóng góp	Ghi chú			
													Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã	Vốn từ nguồn thu					
27	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình truyền hình công nghệ HD của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	Đài PT&TH tỉnh Bắc Giang	2019-2020	574/QĐ-UBND, 28/9/2018	29.150	26.235	1700/QĐ-UBND, 30/10/2018	29.150	26.235		23.600	23.600	23.600							
XI	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				25.391	25.391		25.391	25.391		15.796	15.396	15.396							
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				11.147	11.147		11.147	11.147		2.896	2.896	2.896							
1.1	Dự án Hệ thống tích hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông từ tỉnh đến xã	Sở Thông tin và Truyền thông	2013-2015				1679/QĐ-UBND, 31/10/2013	11.147	11.147		2.896	2.896	2.896							
2	Dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020				24.582	24.582		14.244	14.244		12.900	12.500	12.500							
2.1	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống mạng máy tính tương tác cơ quan nội mạng thông tin của Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	2017-2018	537/QĐ-UBND, 30/10/2015	19.997	19.997	1741/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.795	9.795	1133/QĐ-UBND, 28/6/2017	9.795	9.795	9.795							
2.2	Nhà giáo hành Trang tâm tích hợp dự liệu tỉnh Bắc Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	2017-2018	374/QĐ-UBND, 29/6/2016	4.585	4.585	3044/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	4.449	4.449		4.100	4.000	4.000							
XII	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				4.318	4.318		4.318	4.318		2.500	2.500	2.500							
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				4.318	4.318		4.318	4.318		2.500	2.500	2.500							
1.1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở KH&CN	2015				155/QĐ-SKHĐT, 29/10/2014	4.318	4.318		2.500	2.500	2.500							
XIII	LĨNH VỰC GIAO DƯC ĐẠO TẠO VÀ GIAO DƯC NGHỀ NGHIỆP				267.170	227.394		92.807	92.807		203.992	203.792	98.127	25.565	80.100					
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				152.403	112.627		92.807	92.807		103.192	103.192	52.127	25.565	27.500					
1.1	Dự án Nhà học và phòng chức năng Trường THPT Ngô Tráng	Trường THPT Ngô Tráng	2014-2016				1153/QĐ-STC, 9/6/2016 (QT)	5.882	5.882		492	492	127	365						
1.2	Nhà 12 phòng học Trường THPT Lục Ngạn số 1	Trường THPT Lục Ngạn số 1	2014-2016				1161/QĐ-UBND, 30/10/2013	9.960	9.960		3.000	3.000	3.000							

STT	Danh mục dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Mạng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Ghi chú			
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Nguồn vốn CPNS tỉnh	Trung tâm:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất				
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NS tỉnh				Vốn số hiện thiết	Vốn số kiến thiết			Vốn số kiến thiết (trung tâm đã giao)	Tổng số	Vốn số kiến thiết
1.3	Xây dựng nhà lớp học 24 phòng Trường THPT Việt Yên số 1	Trường THPT Việt Yên số 1	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	16 phòng học và các phòng chức năng, DT sàn 4.610 m ²	2014-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1729/QĐ-UBND, 30/10/2014	13.966	13.966	1932/QĐ-UBND, 27/10/2015	13.966	5.000	5.000	5.000	5.000						
1.4	Nhà trung tâm Trường THPT Chuyên Bắc Giang	Trường THPT Chuyên Bắc Giang	TP Bắc Giang	2 tầng, 6 phòng học	2013-2014	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1343/QĐ-UBND, 28/9/2012	39.285				3.000	3.000	3.000							
1.5	Trường mầm non (khu trung tâm) thị trấn Chà, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng	UBND huyện Lục Ngạn	TT Chà, huyện Lục Ngạn	16 phòng học và các phòng chức năng, DT sàn 4.610 m ²	2016-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	3802a/QĐ-UBND, 23/6/2015	4.469	3.978			3.000	3.000	3.000							
1.6	Hỗ trợ theo Nghị quyết 28/2014/NQ-HĐND về xây dựng cơ sở vật chất giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2020		Các huyện, thành phố		2015-2020	Nghị quyết 28/2014/NQ-HĐND						55.000	55.000	35.000	20.000						
1.7	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Giáp Hải	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Tân Mỹ, TP BG	16 phòng học và các phòng chức năng, DT sàn 4.610 m ²	2013-2016	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1249/QĐ-UBND, 12/8/2013	78.841	78.841	699/QĐ-UBND, 12/5/2016	78.841	35.700	35.700	35.700	5.200	27.500					
2	Dự án kích công mới trong giai đoạn 2016-2020					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		114.767	114.767			98.800	98.800	46.000	52.800						
2.1	Nhà lớp học, nhà thí nghiệm, nhà cầu, nhà đa năng Trường THPT Bồ Hạ, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Trường THPT Bồ Hạ, huyện Yên Thế	Nhà lớp học, thí nghiệm, nhà đa năng	2016-2018	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	203/QĐ-SXD, 30/10/2015	8.098	8.098	217/QĐ-SKHĐT, 7/8/2017	8.098	7.000	7.000	7.000							
2.2	Nhà lớp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tân Yên số 1	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	3 tầng, 12 phòng học và HMPT	2016-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	205a/QĐ-SXD, 30/10/2015	9.200	9.200	341/QĐ-SKHĐT, 14/12/2016	9.200	8.000	8.000	8.000							
2.3	Trường mầm non xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng	UBND huyện Yên Dũng	Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và HMPT	2016-2017	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	201/QĐ-SXD, 30/10/2015	14.980	14.980			13.000	13.000	13.000							
2.4	Mô hình Trường THPT Hiệp Hòa số 2	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Huyện Hiệp Hòa	8 phòng học, nhà đa năng và HMPT	2017-2019	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	1730/QĐ-UBND, 28/10/2016	21.000	21.000			18.200	18.000	18.000							



STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chi trả tương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung										
			Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	T. công do NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	T. công do NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	T. công do NS tỉnh	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Tổng số	Nguồn vốn CDNS tỉnh	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu		
			Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tài cả các nguồn vốn)		Tổng số		Vốn NS tỉnh bổ sung		Vốn xã số kiến thiết		Vốn từ nguồn thu		
1	Y.TE, DÂN SỐ, VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM <i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>																		
1.1	Trung tâm y tế dự phòng huyện Tân Yên	2013-2015	1760/QĐ-UBND, 22/11/2013	11.854	11.854	433/QĐ-UBND, 20/3/2015	70.216	70.216	2.000	2.000	15.000	15.000	15.000	8.800	6.400	2.000			
1.2	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Bắc Giang	2014-2016	1235/QĐ-UBND, ngày 13/8/2013	63.414	63.414	433/QĐ-UBND, 20/3/2015	70.216	70.216	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	8.800	6.400	2.000			
1.3	Bệnh viện Nội tiết 100 giường tỉnh Bắc Giang	2014-2018	1100/QĐ-UBND, 29/7/2014	117.730	24.225	1565/QĐ-UBND, 11/9/2017	43.580	43.580	72.325	36.800	30.000	6.800	6.000						
2	Nhà nhà lớp học, Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tân Yên 2	2017-2019	1732/QĐ-UBND, 28/10/2016	16.500	16.500														
2.5	Mở rộng giai đoạn 2, xây nhà lớp học, nhà công vụ, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Phùng Sơn, huyện Lục Nam	2016-2018	1977/QĐ-SXP, 26/10/2015	11.830	11.830	316/QĐ-SKHĐT, 17/11/2016	11.830	11.830	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000			10.000			
2.6	Nhà nhà lớp học, Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tân Yên 2	2017-2019	428/QĐ-UBND, 18/9/2015	16.500	16.500														
2.7	Nhà lớp học, nhà công vụ, nhà lý túc xá, nhà ăn Trường THPT Sơn Động số 1	2018-2019	544/QĐ-UBND, 30/10/2015	15.000	15.000	302/QĐ-SKHĐT, 27/10/2017	14.990	14.990	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000			13.000			
2.8	Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Lục Ngạn 3	2017-2018	542/QĐ-UBND, 30/10/2015	6.984	6.984	307/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	6.984	6.984	5.600	5.600	5.600	5.600	5.600			5.600			
2.9	Mở rộng, xây dựng 6 phòng học, 3 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nhà Nam, huyện Tân Yên	2019-2020	548/QĐ-UBND, 30/10/2015	11.345	11.345	303/QĐ-SKHĐT, 30/10/2017	11.185	11.185	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000			10.000			
XIV	Y.TE, DÂN SỐ, VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM																		
<p style="text-align: center;">Tổng mức đầu tư</p>																			
			1.299.668	905.432	452.909	348.673	775.969	649.233	489.005	120.828	47.045	7.650	31.750						
			193.018	99.493	167.321	113.796	89.325	53.800	8.800	6.400									

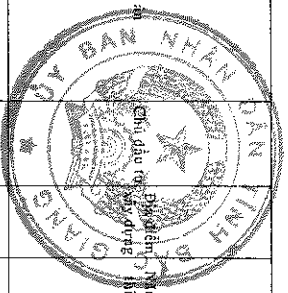
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Chi chú			
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Vốn NS (tính bổ sung)	Trong đó:		Vốn NS (tính bổ sung)		Vốn từ nguồn thu dự án		
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: TSH S/DĐ	Vốn xã hội (trung hạn đã giao)				Vốn xã hội (trung hạn đã giao)	Vốn xã hội (trung hạn đã giao)
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					1.108.106	827.393	1.106.650	805.939	285.588	234.877	686.644	595.433	444.805	112.028	41.045	7.630	31.750	
2.1	Khởi đầu trị nội trú, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện ĐK tỉnh Bắc Giang	Thành phố BG	Khởi đầu trị nội trú 9 tầng, khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, HT khí y tế và HMPT	2016-2018	129/QĐ-UBND, 02/3/2016	100.200	478/QĐ-UBND, 31/3/2016; 1165/QĐ-UBND, 27/7/2016	100.200	250.911	200.200	250.711	200.000	101.788	98.212	27.229			
2.2	Trung tâm y tế huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Huyện Việt Yên	DT sàn 1.300 m ²	2016-2018	340/QĐ-UBND, 14/8/2015	11.700	205/QĐ-SXD, 30/10/2015	11.047	11.047	11.047	9.500	9.500	9.500					
2.3	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Huyện Lục Nam	DT sàn 1.284 m ²	2018-2020	545/QĐ-UBND, 30/10/2015	11.912	306/QĐ-SKHDT, ngày 30/10/2017	11.912	11.912		10.200	10.000	10.000					
2.4	Xây dựng Nhà xa trị thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	TP Bắc Giang	2017-2019	02 tầng diện tích 1.160m ²	185/QĐ-UBND, 31/3/2016	23.630	173/QĐ-UBND, 28/10/2016	23.630	23.630	23.630	23.016	20.000	20.000	2.816	2.816			
2.5	Đường vào Bệnh viện Đa khoa thành phố Bắc Giang và Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình GT tỉnh	Xã Tân Mỹ, TP BG	650m	2016-2017	574/QĐ-UBND, 30/10/2015	13.956	62/QĐ-SGTVT, 30/3/2016	13.153	13.153		11.000	11.000	11.000					
2.6	Đường vào Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình GT tỉnh	Xã Song Mai, TP Bắc Giang	2017-2018	400m	371/QĐ-UBND, 27/6/2016	7.760	308/QĐ-SKHDT, 28/10/2016	7.760	7.760		5.675	5.575	5.575					
2.7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thành phố BG	3200 m ² xây mới 700 m ² và các hạng mục phụ trợ	2016-2017	625/QĐ-UBND, 26/10/2016	13.762	305/QĐ-SKHDT, 26/10/2016	13.762	13.762		11.000	11.000	5.000	6.000	6.000			
2.8	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	TP Bắc Giang	Xây mới 01 khối nhà	2018-2021	1470/HĐND-THTT ngày 31/3/2016; 569/HĐND-TH, ngày 26/10/2016	64.475	1734/QĐ-UBND, 28/10/2016	64.475	64.475		59.400	19.400		7.650		11.750		



STT	Danh mục dự án	Ban QLDAĐT XD công trình DD&CN tỉnh	Khai nhà trung tâm, khởi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	QĐ phê duyệt chủ trương				QĐ đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã ghi và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung									
				Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Nguồn vốn		Trong đó:		Vốn từ nguồn thu đất	Ghi chú			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	CDNS tỉnh	Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn xã			Vốn xã số kiến thiết	Vốn xã số kiến thiết do tăng thu (trong đó tăng thu	
XV	LÀO ĐỘNG THUỐC BÌNH VÀ XÃ HỘI																								
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																								
1.1	Đổi ứng dự án Xây dựng Trung tâm Chẩn soát và Phục hồi chức năng cho người tàn tật - giai đoạn I	Số Lao động, TB và xã hội	Xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	DT sản 5.307 m ² và HMDT	2014-2017																				
XVI	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG																								
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																								
1.1	Dự án Khắc phục ô nhiễm môi trường hàng nghề nấu rượu truyền thống xã Văn Hải, huyện Việt Yên	Số Tài nguyên và Môi trường	Xã Văn Hải, huyện Việt Yên	Xử lý ô nhiễm môi trường	2013-2016																			Đổi ứng từ tài trợ của UNICEF	
2	Dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020																								
2.1	Xây dựng Bãi xử lý rác thải huyện Lục Nam	Ban QLDA xây dựng huyện Lục Nam	Xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam	2 ha	2017-2019	S20/QĐ-UBND, 27/10/2015	18.104	15.000																	
2.2	Đổi ứng dự án Cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện huyện Yên Dũng	UBND huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	7,2 ha	2014-2017																				
2.3	Đổi ứng dự án Cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	3,1 ha	2014-2017																				
XVII	HỒ THOẠI QUẢN LÝ ĐẤT																								
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																								
	Huyện Sơn Động																								
1	Công trình nước sinh hoạt cấp trung thôn Đông Hà xã Yên Định	UBND xã Yên Định	Xã Yên Định	81 hộ	2015																				

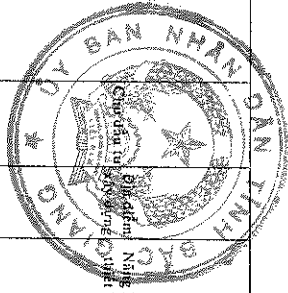
STT	Danh mục dự án	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	(Thời gian KC-HT)	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Ghi chú				
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Nguồn vốn CDNS tỉnh	Trung dài:	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh bổ sung	Vốn số kiến thiết								Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tỉnh	Tổng số	Trong đó, NS cấp tỉnh	Vốn số kiến thiết		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất			
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Ao Bông, xã Vĩnh Khương	UBND xã Vĩnh Khương	Xã Vĩnh Khương	118 hộ	2015	4945/QĐ-UBND, 15/10/2014	1.145	1.109	109	109	109	109								
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Đông Bẩy xã An Lạc huyện Sơn Đông	UBND xã An Lạc	Xã An Lạc	80 hộ	2015	4833/QĐ-UBND, 29/09/2015	1.226	1.000	226	226	226	226								
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Yách, xã Phú Nhuận	UBND xã Phú Nhuận	Xã Phú Nhuận	51 hộ	2015	6272/QĐ-UBND, 31/10/2014	1.476	1.145	145	145	145	145								
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Nghệ, xã Lạc Sơn	UBND xã Lạc Sơn	Xã Lạc Sơn	69 hộ	2015	6103/QĐ-UBND, 31/10/2014	1.287	1.219	219	219	219	219								
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Trại Cao, xã Lạc Sơn	UBND xã Lạc Sơn	Xã Lạc Sơn	66 hộ	2015	6104/QĐ-UBND, 31/10/2014	1.167	1.121	121	121	121	121								
6	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Trại Hồng, xã Hồng Kỳ	UBND xã Hồng Kỳ	Xã Hồng Kỳ	121 hộ	2015	4018/QĐ-UBND, 29/10/2014	1.182	1.137	137	137	137	137								
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020						23.746	22.321	21.025	21.025	21.025	21.025								
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Khả xã Văn Sơn huyện Sơn Đông	UBND xã Văn Sơn	Xã Văn Sơn	133 hộ	2016	6070/QĐ-UBND, 30/10/2015	1.500	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300								
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Gà xã Văn Sơn huyện Sơn Đông	UBND xã Văn Sơn	Xã Văn Sơn	113 hộ	2016	6071/QĐ-UBND, 30/10/2015	1.500	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300								
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Tân Lập, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Đông	UBND xã Tuấn Mậu	Xã Tuấn Mậu	63 hộ	2017	5918/QĐ-UBND, 30/10/2016	1.404	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300								
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Mậu, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Đông	UBND xã Tuấn Mậu	Xã Tuấn Mậu	118 hộ	2017	5919/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.405	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300								
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Thanh An, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Đông	UBND xã Tuấn Mậu	Xã Tuấn Mậu	53 hộ	2017	5920/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.408	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300								
6	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Am và thôn Sơn Hà, xã Bông Am, huyện Sơn Đông	UBND xã Bông Am	Xã Bông Am	110m ³ /ngày đêm, 600 nhân khẩu	2018-2019	733/QĐ-UBND, 27/10/2017	2.795	2.795	2.459	2.459	2.459	2.459								
7	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Bông Am huyện Sơn Đông	UBND xã Bông Am	Xã Bông Am	50m ³ /ngày đêm, 600 nhân khẩu	2018-2019	732/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.390	1.390	1.157	1.157	1.157	1.157								
8	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Thanh Chung, xã Tuấn Mậu huyện Sơn Đông	UBND xã Tuấn Mậu	Xã Tuấn Mậu	480 nhân khẩu	2019-2020	734/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.567	1.567	1.567	1.567	1.567	1.567								
9	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Tiên Lý, xã Yên Định, huyện Sơn Đông	UBND xã Yên Định	Xã Yên Định	830 nhân khẩu	2019-2020	735/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836								

STT	Định mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian K.C-HT	QĐ phê duyệt chủ trương			QĐ đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)			Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 để ghi và điều chỉnh giám, tăng, bổ sung			Ghi chú										
						Tổng mức đầu tư		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành			Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành		Vốn NS tính bổ sung	Vốn NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn số kiến thiết	Vốn số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NS tính								
1.3	Xây dựng trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành	Sở Xây dựng	TP Bắc Giang	12 tầng, DT sàn 12.355 m2	2013-2015		119.205	119.205	119.205	119.205	119.205	36.000	36.000	36.000														
1.4	Trụ sở làm việc liên cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	TP Bắc Giang	7 tầng, DT sàn 6.410 m2	2014-2017		72.549	72.549	72.549	72.549	72.549	49.871	49.871	25.471	24.400	5.000												
1.5	Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh (hỗ trợ BTGPMB)	Tòa án nhân dân tỉnh	TP Bắc Giang	Xây dựng mới			75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	687	687	687														
2	Đic ăn khởi công mới trong giải hạn 2015-2020						138.591	37.843	138.591	37.843	37.843	51.259	12.150	33.700	25.700	4.500												
2.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	TP Bắc Giang	Cải tạo, sửa chữa	2015-2016		5.640	5.640	5.640	5.640	5.640	4.000	4.000	4.000														
2.2	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	TP Bắc Giang	Cải tạo, sửa chữa	2016-2017		4.767	4.767	4.767	4.767	4.767	3.000	3.000	3.000														
2.3	Kê dũ, tường rào Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang	Hội nông dân tỉnh	Xã Quê Nham, huyện Tân Yên	Kê, tường rào	2015-2016		1.016	1.016	1.016	1.016	1.016	800	800	800														
2.4	Cải tạo trụ sở làm việc Sở Công thương tỉnh Bắc Giang	Sở Công thương	TP Bắc Giang	Xây dựng mới	Xây mới 600 m2 và cải tạo, sửa chữa		4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.000	4.000	4.000														
1.6	Xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (hỗ trợ BTGPMB)	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	TP Bắc Giang	Xây dựng mới	2016-2020		77.049	15.410	77.049	15.410	15.410	15.400	7.400	7.400														
1.7	Trụ sở làm việc và cum kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh (hỗ trợ BTGPMB)	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	Khu dân cư phía Nam, TP Bắc Giang	Xây dựng mới	2016-2020		45.619	6.510	45.619	6.510	6.510	6.500	6.500	2.000	4.500													
XX	QUỐC PHÒNG - AN NINH						251.608	93.178	251.608	93.178	93.178	169.404	100.987	73.087	3.000													
I	Đic ăn chuyển tiếp sang giải hạn 2016-2020						131.275	38.138	131.275	38.138	38.138	36.437	16.437	16.437														
1.1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh (hỗ trợ BTGPMB giải hạn)	Công an tỉnh	TP Bắc Giang	Diện tích 6.947 ha	2015-2018		57.623	31.451	57.623	31.451	31.451	11.750	11.750	11.750														



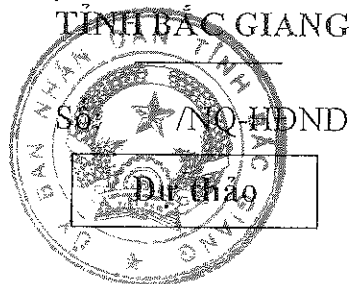
STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian K-C-H-T	QB phê duyệt chủ trương				QB đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giao, tăng, bổ sung				Chi chú			
				Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng số tài sản các nguồn vốn)		Tổng số tài sản các nguồn vốn)		Tổng số tài sản các nguồn vốn)		Vốn NS tỉnh bổ sung			Vốn NS cấp tỉnh	Vốn xã số kiến thiết	Vốn xã số kiến thiết do tư nhân
				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài sản các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài sản các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài sản các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài sản các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn xã số kiến thiết	Vốn xã số kiến thiết do tư nhân						
1.2	Cơ sở làm việc Công an huyện Hiệp Hòa, thuộc Công an tỉnh Bắc Giang (hỗ trợ BT/GPMB)	Huyện Hiệp Hòa, Công an tỉnh	2015-2018	Diện tích 2,5 ha	251.008	93.178	289/QĐ-H41-H45, 24/10/2014	73.552	6.687	48.049	48.049	24.687	4.687	4.687	3.000	3.000	56.650	3.000	3.000	Vốn tư nhân thu sử dụng đất			
2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020																						
2.1	Cơ sở làm việc Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bắc Giang	Huyện Yên Dũng, TP Bắc Giang	2015-2019	Nhà làm việc nhà an, 6 và HMPPT	164/QĐ-UBND, 27/4/2015	42.290	1679/QĐ-UBND, 10/9/2015	42.269	42.269	1074/QĐ-UBND, 08/7/2016, 948/QĐ-UBND, 06/6/2017	48.049	48.049	34.650	34.650	34.650	34.650	3.000	3.000	34.650				
2.2	Hỗ trợ GPMB dự án Trại làm giảm thuộc Công an tỉnh Bắc Giang (phần Khu trại giam Cầu Lưỡng, xã Quang Thính, huyện Lạng Giang)	Công an tỉnh, Huyện Lạng Giang	2016-2019	5,168 ha	23/11/2015, 4754/QĐ-BCA-H41, 08/11/2016	10.000																	
2.3	Sở Chỉ huy phía trước hạm Đai A1 và công trình quốc phòng trong Sở chỉ huy cơ sở khu 225	Bộ CHQS tỉnh, Huyện Việt Yên	2015-2017	Diện đất quan sát, trận địa súng, nhà bảo vệ, kho, lương, rào	204/QĐ-SXD, 30/10/2015	6.988	204/QĐ-SXD, 30/10/2015	6.988	6.988														
2.4	Hỗ trợ bồi thường, GPMB đường vào khu lưu niệm 6 Điều Bắc Hồ đặng CAVD tại xã Nhà Nam	UBND huyện Tân Yên	2017	Khoảnh nhà 6 tầng, nhà 3 tầng và nhà 1 tầng	1062/QĐ-BCA-H43, 10/4/2017, 559/UBND-XD, 03/3/2017	89.330	3912/QĐ-BCA-H41, 30/10/2017	103.000	30.900														
2.5	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II)	Công an tỉnh, TP Bắc Giang	2016-2020	Khoảnh nhà 6 tầng, nhà 3 tầng và nhà 1 tầng	1069/QĐ-BCA-H43, 31/3/2017	103.000	30.900	30.900	30.900														
VON TƯ NGUON THU TIEN SU XXI DUNG BAT CAC HUYEN THANH PHO																							
-	Thành phố Bắc Giang																						
-	Huyện Việt Yên																						
-	Huyện Hiệp Hòa																						
-	Huyện Yên Dũng																						
-	Huyện Lạng Giang																						
-	Huyện Tân Yên																						
-	Huyện Yên Thế																						
-	Huyện Lục Nam																						
-	Huyện Lục Nam																						
-	Huyện Sơn Động																						
-	Trong đó:																						
1	Trích Quỹ Phát triển đất tỉnh và điều tiết về ngân sách tỉnh để chi BT/GPMB và bổ sung cho đầu tư																						

STT	Đanh mục dự án	Chức đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt chủ trương		QĐ đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Ghi chú				
						Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Nguồn vốn		Trong đó:			Vốn từ nguồn thu sử dụng đất
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Vốn NS tính bổ sung	Vốn số kế hoạch thiết	Vốn số nguồn thu sử dụng đất	
Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
*	Trong đó: Bổ sung chủ đầu tư																			
*	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																			
1.1	Dự án Bồi thường, GPMB dự án đầu tư xây dựng Khu phía Bắc KCN Song Khê Nội Hoàng, thuộc xã Song Khê, TP Bắc Giang	Số TN&MT	Xã Song Khê, hành phố Bắc Giang	47,65 ha	2015-2016		3176/QĐ-UBND, 07/02/2015 3176/QĐ-UBND, 07/02/2015 3538/QĐ-UBND, 06/10/2015	127.243	127.243	127.243	127.243	127.243	97.645	97.645	97.645	97.645	97.645	97.645	Hoàn trả vốn đã ứng để BTGPMB	
1.2	Dự án Hệ thống thủy lợi Sông Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA/ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh	H Yên Thế	Tươi 2,806 ha	2009-2015		984/QĐ-UBND, 17/6/2009	438.016	438.016	480.319	42.303	40.603	23.603	23.603	23.603	23.603	23.603	23.603		
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020																			
1.1	Xây dựng Nhà thi đấu thể thao tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thành phố BG	4.000 chỗ	2017-2020		1739/QĐ-UBND, 31/10/2016	758.096	758.096	758.096		700.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000		
1.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà thi đấu Xương Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	Thành phố BG	10ha: hạ tầng kỹ thuật	2015-2019		1985/QĐ-UBND, 30/10/2015	123.382	123.382	123.382		120.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000		
1.3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	TP Bắc Giang	Hạ tầng KT, 19,08ha	2015-2017		1936/QĐ-UBND, 27/10/2015	249.734	249.734	307.502		270.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000		
1.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu số 2 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh	TP Bắc Giang	Hạ tầng KT, 18,31ha	2015-2017		1935/QĐ-UBND, 27/10/2015	260.698	260.698			215.000	178.000	178.000	178.000	178.000	178.000	178.000		
1.5	Dự án xây dựng Tháo nước, tổng hợp Bộ Chỉ huy Quản sv tỉnh Bắc Giang	Bộ CHQS tỉnh	Huyện Yên Thế	120 ha	2015-2020		4857/QĐ-BQP ngày 02/12/2010	43.300	37.100			4.642	4.642	4.642	4.642	4.642	4.642	4.642		



STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	QB phê duyệt chủ trương		QB đầu tư ban đầu		Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng (nếu có)		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao và điều chỉnh giảm, tăng, bổ sung				Chi chi		
			Trong mức đầu tư		Trong mức đầu tư		Trong mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	
			Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1.6	Xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (tờ dự BTGPMB)	2016-2020	825/QĐ-VKSTC-CJ, 29/10/2015	77.049	15.410	146/QĐ-VKSTC, 31/10/2017	77.049	15.410	15.400	8.000	8.000			8.000	
1.7	Dự án Đường nhánh nối từ DT293 vào công khu An, huyện Lục Nam và Lục Ngạn	2017-2020	833/HĐND-TH, 20/12/2017	134.332	134.332	262/QĐ-UBND, 04/12/2017	134.332	134.332	75.000	75.000	40.000	40.000		75.000	
1.8	Hồ sơ công bố giá giao thông nông thôn giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND, 13/7/2017 và 06/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018 của HĐND tỉnh	2017-2021	NQ 07/2017/NQ-HĐND, 13/7/2017	500.000	500.000	NQ 07/2017/NQ-HĐND, 13/7/2017	500.000	500.000	719.010	719.010	50.000			50.000	
1.9	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II)	2016-2020	1069/QĐ-BCA-H43, 31/5/2017	103.000	30.900	3912/QĐ-BCA-H41, 13/7/2017	103.000	30.900	30.900	24.900	24.900			24.900	
1.10	Xây dựng cầu dân sinh vượt QL1, QL37 thuộc địa bàn huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2018-2019	417/QĐ-UBND, 06/7/2018	28.728	28.728		28.728	28.728	25.000	25.000				15.000	
1.11	Cải tạo sửa chữa QL37 đoạn Km70-Km72, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2018-2019	418/QĐ-UBND, 06/7/2018	14.950	14.950		14.950	13.000	13.000	13.000				8.000	
1.12	Cải tạo, sửa chữa QL17 đoạn Km72+500-Km88, huyện Việt Yên và Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	2018-2020	470/HĐND-TH, 06/8/2018	133.409	133.409		133.409	86.150	86.150	86.150				76.150	
1.13	Thăm mới đường bê tông và xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km0+293,55-Km8+500 (tứ số thị Bức đến thị trấn Tân Dân) DT293, tỉnh Bắc Giang	2018-2020	637/HĐND-TH, 14/9/2018	79.054	79.054		79.054	60.000	60.000	60.000				55.000	
1.14	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết 13/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018	2019-2021	12/2018/NQ-HĐND, 11/7/2018	54.000	54.000		54.000	36.000	36.000	36.000				18.000	
1.15	Kế hoạch tỉnh Bắc Giang, thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050	2019-2020		87.000	87.000		87.000	5.000	5.000	5.000				5.000	
2	Vấn đề nguyên thu sử dụng đất để lại cho huyện thành phố								4.423.850	4.423.850				4.423.850	
-	Thành phố Bắc Giang								1.808.000	1.808.000				1.808.000	
-	Huyện Việt Yên								792.000	792.000				792.000	
-	Huyện Hiệp Hòa								193.500	193.500				193.500	
-	Huyện Yên Dũng								369.000	369.000				369.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
(nguồn vốn ngân sách tỉnh) giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2);

Căn cứ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018, tình hình thực tế thu tiền đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2018 và số thông báo kiểm tra thu - chi ngân Nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020;

Xét Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (nguồn vốn ngân sách tỉnh) giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách tỉnh, như sau:

- Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ giữa các chương trình dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 325,765 tỷ đồng.

- Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ giữa các dự án thuộc nguồn vốn xổ số kiến thiết: 7,650 tỷ đồng.

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh: 882,556 tỷ đồng (kế hoạch trung hạn ngoài cân đối sau điều chỉnh 1.207,530 tỷ đồng).

(Chi tiết có Biểu số 02a, 02b, 02 - tổng hợp sau điều chỉnh, bổ sung kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này thay thế nội dung phân bổ kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh; các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 6 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

Số: 149/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 26/11/2018, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do kế hoạch đầu tư công trung hạn được bổ sung nguồn vốn đầu tư công từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất nên có một số dự án mới được bổ sung danh mục và có sự bổ sung, điều chỉnh vốn phân bổ cho các dự án.

Khoản 5, Điều 75, Luật đầu tư công quy định: “HĐND cấp tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương,....”

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (nguồn vốn ngân sách tỉnh) giai đoạn 2016-2020 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Dự thảo Nghị quyết đã được thảo luận với các ngành, UBND các huyện, thành phố và đã được UBND tỉnh thông qua. Thủ tục được trình bày đúng quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ.

3. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh bổ sung, làm rõ một số nội dung sau:

- Về Trình tự: Đề nghị bổ sung lý do điều chỉnh khi tăng, giảm nguồn vốn giữa các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh.

- Về dự thảo Nghị quyết:

+ Đề nghị bổ sung biểu điều chỉnh (tăng, giảm), bổ sung vốn các dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh).

+ Đề nghị bổ sung biểu bổ sung danh mục và kế hoạch phân bổ vốn cho các dự án mới vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh).

+ Sửa Điều 2 thành: Nghị quyết này thay thế nội dung phân bổ kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh; các nội

dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh.

- Đối với nội dung bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh (ngoài cân đối) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020: Đề nghị UBND tỉnh làm rõ lý do sử dụng ngân sách tỉnh để trả nợ cho 09 dự án đã đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương, số tiền 104,010 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (nguồn vốn ngân sách tỉnh) giai đoạn 2016-2020, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

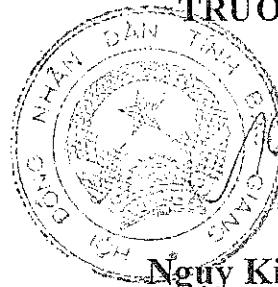
Nơi nhận:

- Lưu: VT, TH_{yendt}.

Bản điện tử:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP HĐND tỉnh.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Kim Phương